

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU

GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

(V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn) (1)

Kính gửi: Tòa án nhân dân khu vực (2)

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: (3)

1. Bà: sinh ngày/...../.....

Quốc tịch:; Căn cước công dân (hoặc Hộ chiếu) số:

.....

Cấp ngày:; Nơi cấp:

Địa chỉ: (4)

Nơi cư trú ở nước ngoài (nếu có):

Số điện thoại (nếu có):; Fax (nếu có):

.....

Địa chỉ thư điện tử (nếu có):

2. Ông: sinh ngày/...../.....

Quốc tịch:; Căn cước công dân (hoặc Hộ chiếu) số:

.....

Cấp ngày:; Nơi cấp:

Địa chỉ: (4)

Nơi cư trú ở nước ngoài (nếu có):

Số điện thoại (nếu có):; Fax (nếu có):

.....

Địa chỉ thư điện tử (nếu có):

Chúng tôi xin trình bày với Tòa án nhân dân khu vực (5)

..... việc như sau:

– Những vấn đề yêu cầu Tòa án giải quyết: (6)

1. Về quan hệ hôn nhân: Chúng tôi kết hôn ngày tháng năm, có đăng ký kết hôn tại, theo Giấy chứng nhận kết

hôn số Nay chúng tôi đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chúng tôi.

2. Về con chung: Chúng tôi có con chung là cháu, sinh ngày/...../....., hiện cư trú tại Chúng tôi đã thỏa thuận: bà (ông) là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu; ông (bà) cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng đồng (bằng chữ:), cấp dưỡng vào ngày hằng tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận nêu trên.

(Trường hợp không có con chung thì ghi: Chúng tôi không có con chung.)

3. Về tài sản chung: Chúng tôi không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

(Trường hợp có tài sản chung và đã thỏa thuận được thì ghi rõ từng tài sản, nơi có tài sản, giá trị ước tính và bên được nhận theo thỏa thuận; nếu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết thì ghi rõ như vậy.)

4. Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung. Trường hợp phát sinh nghĩa vụ tài sản chung, chúng tôi tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

– Lý do, mục đích, căn cứ của việc yêu cầu Tòa án giải quyết đối với những vấn đề nêu trên: (7)

Sau thời gian chung sống, giữa chúng tôi phát sinh mâu thuẫn, không còn chung sống cùng nhau từ; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cụ thể:

.....

Chúng tôi hoàn toàn tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được về việc chia tài sản, về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Căn cứ Điều 55 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 29, Điều 35, Điều 36, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 469 và Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung), chúng tôi kính đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

– Tên và địa chỉ của những người có liên quan đến những vấn đề yêu cầu Tòa án giải quyết: (8)

Không có.

(Nếu có thì ghi rõ họ tên, quốc tịch, nơi cư trú, nơi làm việc của từng người.)

– Các thông tin khác (nếu có): (9)

1. Vụ việc có yếu tố nước ngoài: ông (bà) mang quốc tịch hiện cư trú tại

2. Việc kết hôn của chúng tôi được đăng ký tại và đã được ghi vào Sổ hộ tịch tại Việt Nam theo

(Nếu chưa ghi chú kết hôn thì ghi rõ tình trạng và nêu thời gian dự kiến hoàn tất.)

3. Các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp nộp kèm theo đơn đã được hợp pháp hóa lãnh sự và dịch sang tiếng Việt có công chứng theo quy định.

4. Về ngôn ngữ: ông (bà) không thông thạo tiếng Việt. Chúng tôi đề nghị Tòa án cho sử dụng người phiên dịch trong quá trình giải quyết; chi phí phiên dịch do chúng tôi tự chịu.

5. Địa chỉ nhận văn bản tố tụng: đề nghị Tòa án gửi văn bản tố tụng cho ông (bà) theo địa chỉ tại Việt Nam, hoặc theo địa chỉ thư điện tử nêu trên.

6. Ông (bà) hiện đang ở nước ngoài, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định và ghi nhận ý kiến của ông (bà) theo văn bản trình bày ý kiến gửi kèm đơn này.

Tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn yêu cầu: (10)

1. Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn (hoặc bản sao hợp lệ giấy tờ chứng minh việc kết hôn do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, đã hợp pháp hóa lãnh sự và dịch công chứng sang tiếng Việt);

2. Bản sao có chứng thực Căn cước công dân của bà;

3. Bản sao có chứng thực Hộ chiếu của ông (đã dịch công chứng sang tiếng Việt);

4. Bản sao có chứng thực Giấy khai sinh của cháu;

5. Giấy tờ xác nhận thông tin về cư trú của bà; giấy tờ chứng minh nơi cư trú tại nước ngoài của ông

6. Văn bản trình bày ý kiến của ông (bà) (nếu có);

7.

Chúng tôi cam kết những lời khai trong đơn là đúng sự thật.

....., ngày tháng năm 20..... (11)

NGƯỜI YÊU CẦU THỨ NHẤT (12)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI YÊU CẦU THỨ HAI (12)

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

.....

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN THUẬN TÌNH LY HÔN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

1. Giải thích biểu mẫu

Thuận tình ly hôn là việc dân sự chứ không phải vụ án dân sự, vì hai vợ chồng không có tranh chấp mà cùng yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận. Văn bản nộp cho Tòa án là Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự — Mẫu số 01-VDS ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09/8/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Không dùng Mẫu số 23-DS (Đơn khởi kiện), vì mẫu đó dành cho ly hôn đơn phương.

Phần A giữ nguyên bố cục và các mục có đánh số (1) đến (12) của Mẫu số 01-VDS; phần nội dung trong từng mục được viết sẵn cho tình huống một bên vợ hoặc chồng là người nước ngoài, người dùng chỉ cần điền thông tin cụ thể và sửa lại cho đúng hoàn cảnh của mình.

Đơn phải do cả hai vợ chồng cùng ký, vì cả hai đều là người yêu cầu. Nếu chỉ một người ký, Tòa án sẽ xử lý theo hướng ly hôn đơn phương với thủ tục và thời gian khác hẳn.

2. Điền từng mục theo số thứ tự của biểu mẫu

Mục (1) — Loại việc dân sự

- Ghi đúng tên loại việc theo Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây gọi là “BLTTDS”): Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Nếu không có tài sản chung thì vẫn có thể giữ nguyên cách ghi này hoặc rút gọn cho phù hợp.

Mục (2) và (5) — Tên Tòa án

- Ghi tên Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền.
- Hai mục (2) và (5) phải ghi giống nhau.

Mục (3) — Người yêu cầu

- Hướng dẫn của biểu mẫu quy định: trường hợp có nhiều người cùng làm đơn thì đánh số thứ tự 1, 2, 3... và ghi đầy đủ thông tin từng người. Vì vậy đơn thuận tình ly hôn ghi hai người, đánh số 1 và 2.

- Với người Việt Nam: ghi họ tên, ngày tháng năm sinh, số căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp.

- Với người nước ngoài: ghi họ tên đúng như trên hộ chiếu (kể cả thứ tự họ và tên theo bản gốc), quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp và nơi cấp. Nếu tên trong hộ chiếu

và tên trong giấy chứng nhận kết hôn khác nhau về cách phiên âm, nên ghi cả hai cách và giải thích tại mục (9).

Mục (4) — Địa chỉ

- Ghi địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc tại thời điểm làm đơn, theo đơn vị hành chính hiện hành: số nhà, đường hoặc thôn, xã hoặc phường hoặc đặc khu, tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương.

- Nếu một bên đang ở nước ngoài, ghi thêm địa chỉ ở nước ngoài theo đúng định dạng của nước sở tại. Địa chỉ thiếu hoặc sai là nguyên nhân hàng đầu khiến việc tổng đạt thất bại và vụ việc kéo dài.

Mục (6) — Những vấn đề yêu cầu Tòa án giải quyết

- Đây là phần quan trọng nhất. Nên tách thành bốn nhóm: quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

- Thỏa thuận về con phải cụ thể: ai trực tiếp nuôi cháu nào, mức cấp dưỡng bao nhiêu đồng mỗi tháng, cấp dưỡng vào ngày nào, đến khi nào, quyền thăm nom ra sao. Ghi số tiền cả bằng số và bằng chữ.

- Thỏa thuận chung chung kiểu “hai bên tự thỏa thuận” thường bị Thẩm phán yêu cầu làm lại, vì Tòa án không có căn cứ để công nhận.

- Nếu có tài sản chung nhưng không muốn Tòa án giải quyết, phải ghi rõ là tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, tránh để trống.

Mục (7) — Lý do, mục đích, căn cứ

- Trình bày ngắn gọn: mâu thuẫn phát sinh, thời điểm không còn chung sống, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Không cần kể lể chi tiết đời sống riêng tư. Thuận tình ly hôn không đòi hỏi chứng minh lỗi của bên nào.

- Nên dẫn điều luật làm căn cứ, đặc biệt là Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về thuận tình ly hôn và Điều 127 về ly hôn có yếu tố nước ngoài.

Mục (8) — Người có liên quan

- Với đa số vụ thuận tình ly hôn thì ghi “Không có”. Chỉ ghi tên người khác khi họ thực sự liên quan đến vấn đề đang yêu cầu Tòa án giải quyết, ví dụ người đang trực tiếp chăm sóc con, người đồng sở hữu tài sản.

Mục (9) — Các thông tin khác

Đây chính là chỗ đặt toàn bộ thông tin về yếu tố nước ngoài. Biểu mẫu không có mục riêng cho nội dung này, nên không được tự thêm mục mới mà nên trình bày tại đây. Những nội dung nên nêu:

- Yếu tố nước ngoài của vụ việc: bên nào mang quốc tịch nước ngoài, hoặc bên nào là công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài, hoặc kết hôn ở nước ngoài, hoặc có tài sản chung ở nước ngoài.

- Tình trạng ghi chú kết hôn vào Sổ hộ tịch tại Việt Nam, nếu việc kết hôn được đăng ký ở nước ngoài.

- Tình trạng hợp pháp hóa lãnh sự và dịch công chứng các giấy tờ do cơ quan nước ngoài cấp.

- Nhu cầu về người phiên dịch, nếu một bên không thông thạo tiếng Việt.

- Địa chỉ nhận văn bản tố tụng, đặc biệt là địa chỉ liên hệ tại Việt Nam nếu có, để rút ngắn thời gian tổng đạt.

- Đề nghị liên quan đến việc một bên đang ở nước ngoài, kèm văn bản trình bày ý kiến của người đó.

Mục (10) — Tài liệu, chứng cứ kèm theo

- Liệt kê theo thứ tự 1, 2, 3... và ghi rõ là bản chính hay bản sao, đúng như hướng dẫn của biểu mẫu.

Mục (11) và (12) — Ngày tháng và chữ ký

- Mục (11) ghi địa điểm và thời gian làm đơn.

- Mục (12): theo hướng dẫn của biểu mẫu, trường hợp có nhiều người cùng yêu cầu thì cùng ký và ghi rõ họ tên của từng người vào cuối đơn. Vì vậy đơn có hai chữ ký.

- Vợ chồng không được ủy quyền cho người khác thay mình quyết định việc ly hôn. Người được ủy quyền chỉ có thể làm các công việc thủ tục như nộp hồ sơ, nhận văn bản.

3. Giấy tờ do cơ quan nước ngoài cấp

- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp hoặc xác nhận phải được hợp pháp hóa lãnh sự để sử dụng tại Việt Nam, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

- Giấy tờ, tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải kèm bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực hợp pháp.

- Nếu kết hôn ở nước ngoài, cần kiểm tra việc ghi chú kết hôn vào Sổ hộ tịch tại Việt Nam. Nhiều Tòa án yêu cầu hoàn tất thủ tục này trước khi thụ lý; nên chủ động thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

- Hộ chiếu nước ngoài phải còn giá trị sử dụng.

Tài liệu do Luật sư Nguyễn Duy Khánh biên soạn, cập nhật ngày 17/8/2026.

luatsukhanh.vn | Điện thoại – Zalo: 0989 794 794 | luatsukhanh.hcm@gmail.com

Nội dung trên mang tính tham khảo chung, không thay thế ý kiến tư vấn cho một vụ việc cụ thể. Yêu cầu về hồ sơ có thể khác nhau giữa các Tòa án và tùy theo nước liên quan; người đọc nên đối chiếu hồ sơ thực tế hoặc trao đổi với luật sư trước khi nộp đơn.